

Thứ ba, ngày 23 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Nhịp tích lũy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/06/2020		•	
Tuần 22/6-26/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nhịp tích lũy kéo dài sang phiên thứ hai khi VN-Index vẫn duy trì xu hướng vận động quanh ngưỡng 870 điểm. Dòng tiền đầu tư tương đương với phiên trước khi có 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Nhóm tăng điểm mạnh nhất trong phiên là nhóm Dịch vụ tài chính (HCM, SSI, VND, VCI). Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên HSX và HNX. Thanh khoản tăng trở lại, biên độ nới rộng với độ rộng thị trường cân bằng vẫn đang cho thấy tín hiệu chuyển sang xu hướng mới của VN-Index đang mạnh dần.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 775 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/06/2020, chứng quyền cùng chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_3.0%**

Phân tích kỹ thuật: FCN_Hưng phần (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-3.08** điểm, đóng cửa **868.20** điểm. HNX-Index **-0.09** điểm, đóng cửa **114.63** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.53); GAS(+0.44); VNM(+0.30); SSI(+0.16); LGC(+0.15).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.61); BID (-0.69); VHM (-0.57); SAB (-0.37); VRE(-0.27).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 5,217 tỷ đồng, tăng **+19.8%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 9.18 điểm, nới rộng so với phiên liền trước. Thị trường có **190** mã tăng, **42** mã tham chiếu và **198** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-126.46** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-36.9 tỷ), BID (-17.6 tỷ) và HSG(-15.9 tỷ).** Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.37** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **868.20**Giá trị: 5216.97 tỷ **-3.08 (-0.35%)**

Khối ngoại (ròng): -126.46 tỷ

HNX-INDEX **114.63**Giá trị: 623.32 tỷ **-0.09 (-0.08%)**

Khối ngoại (ròng): -2.37 tỷ

UPCOM-INDEX **56.64**Giá trị: 0.33 tỷ **-0.04 (-0.07%)**

Khối ngoại (ròng): -11.54 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	41.0	0.66%
Giá vàng	1,756	0.10%
Tỷ giá USD/VND	23,211	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,149	0.72%
Tỷ giá JPY/VND	21,679	-0.11%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	12.61%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-4.80%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	16.6	VNM	36.9
KDC	12.3	BID	17.6
NVL	11.0	HSG	15.9
DXG	9.3	HPG	13.9
VHC	5.4	VIC	13.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
23/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_3.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	15/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bảo hiểm & Chứng khoán	3.0%	2.6%	9.9%	49.7%	1.5%	1.5%	22.3%
Xây dựng	1.8%	3.6%	6.4%	47.3%	1.1%	1.1%	19.4%
Corona Avengers	1.2%	1.3%	4.9%	54.7%	1.9%	1.9%	22.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.4%	0.6%	0.2%	31.5%	-13.2%	-13.2%	16.8%
VN Diamond	0.2%	0.6%	-0.1%	33.7%	-11.9%	-11.9%	19.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.2%	0.4%	-1.2%	39.5%	-10.9%	-10.9%	21.5%
VN FinSelect	0.1%	-0.1%	2.4%	36.8%	-4.3%	-4.3%	20.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	0.3%	1.9%	35.8%	-9.7%	-9.7%	19.6%
Nước & Năng lượng	0.0%	1.3%	2.5%	31.7%	-6.6%	-6.6%	16.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.2%	-0.3%	2.3%	37.7%	-4.7%	-4.7%	21.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	0.5%	2.0%	36.8%	6.4%	6.4%	15.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.2%	0.3%	0.1%	32.3%	-8.8%	-8.8%	18.0%
Ngành Dược	-0.2%	0.4%	-0.9%	16.7%	-6.6%	-6.6%	18.3%
Dầu khí	-0.3%	0.3%	5.3%	47.7%	-20.2%	-20.2%	25.1%
Ngân Hàng	-0.3%	-0.4%	2.2%	34.9%	-3.0%	-3.0%	23.3%
Stay-at-home	-0.4%	1.6%	5.8%	46.4%	6.2%	6.2%	17.7%
Vật liệu Xây dựng	-0.6%	-0.5%	3.1%	49.6%	1.3%	1.3%	20.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.6%	-0.2%	-0.5%	29.8%	-8.8%	-8.8%	16.0%
Hàng tiêu dùng	-0.7%	1.4%	3.9%	54.2%	-0.6%	-0.6%	19.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.7%	-1.1%	1.1%	8.6%	8.6%	8.6%	26.1%
FTSE Việt Nam	-0.8%	-0.6%	0.1%	28.8%	-7.9%	-7.9%	17.1%
Lãi suất giảm	-1.1%	0.8%	8.7%	54.9%	2.2%	2.2%	19.6%
Chiến tranh thương mại	-1.1%	-1.4%	2.6%	45.7%	-7.7%	-7.7%	18.6%
BDS & Khu công nghiệp	-1.4%	-1.4%	5.7%	35.1%	-6.3%	-6.3%	17.9%
Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	0.8%	1.4%	2.0%	48.4%	-12.9%	-12.9%	22.5%
M12	0.4%	0.6%	0.4%	32.1%	-5.7%	-5.7%	20.0%
M22	0.1%	0.5%	1.5%	39.9%	-1.7%	-1.7%	18.9%
S21	-0.1%	0.7%	0.3%	37.7%	-6.8%	-6.8%	20.0%
M31	-0.3%	0.4%	1.8%	36.3%	-7.0%	-7.0%	21.2%
L22	-0.4%	0.3%	2.0%	43.0%	-6.2%	-6.2%	19.9%
S11	-0.4%	0.0%	3.4%	30.4%	-0.3%	-0.3%	18.8%
L32	-0.4%	-0.2%	5.2%	56.8%	-5.0%	-5.0%	21.2%
L11	-0.5%	0.7%	3.7%	34.1%	-7.1%	-7.1%	17.6%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.1%	0.9%	1.6%	30.2%	-4.0%	-4.0%	17.2%
MID1	0.0%	1.4%	6.9%	45.0%	4.4%	4.4%	17.6%
HIGH3	-0.5%	0.0%	0.5%	40.2%	-0.1%	-0.1%	19.3%
INDEX							
VNINDEX	-0.4%	0.0%	0.4%	31.0%	-9.7%	-9.7%	17.0%
VN30INDEX	-0.3%	-0.1%	0.2%	32.2%	-8.1%	-8.1%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	15	9	15	9	17	7
Mục tiêu	9	5	4	8	1	7	2
Rủi ro	3	2	1	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

FCN_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Vừa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: FCN vẫn đang ở trong quá trình tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay dù cho đã có sự điều chỉnh ngắn hạn trong thời gian gần đây. Thanh khoản cổ phiếu đang có chiều hướng tăng trở lại. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá FCN tăng kịch trần, qua đó đưa cổ phiếu dần tiếp cận trở lại vùng đỉnh cũ tại quanh ngưỡng 11. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của cổ phiếu. Tuy chỉ báo động lượng RSI vừa đi vào vùng quá mua nhưng chỉ báo MACD cũng tạo Golden Cross nên cổ phiếu có thể giữ được sự tích cực trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của FCN nằm tại mệnh giá 10. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại ngưỡng 14, cắt lỗ nếu vùng giá xung quanh 9.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PT KT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 23/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.60	-0.32%	5.00%	18.20%	-26.74%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.01	-0.16%	5.00%	20.60%	-28.87%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	129.90	0.60%	7.60%	22.30%	-26.04%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1749.66	-0.27%	1.30%	0.90%	25.02%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.73	0.12%	1.60%	3.00%	18.24%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	879.25	0.00%	0.70%	4.00%	-7.57%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	487.50	-0.41%	-2.70%	-6.00%	-13.56%		AFX
Sữa	USD /cwt	21.00	-0.05%	1.70%	19.10%	25.07%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	147.16	-0.27%	0.20%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.06	-0.99%	-0.60%	8.10%	-12.55%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.00	2.19%	2.20%	-8.50%	-13.73%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5880.50	0.53%	3.00%	8.00%	-1.33%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	511.33	-0.60%	0.90%	2.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1603.00	0.69%	1.60%	6.00%	-10.60%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	106.70	-0.69%	-2.60%	5.20%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.35	0.00%	-0.50%	-5.90%	-31.03%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 89 US cent (2.1%) lên 43.08 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 90 US cent (2.3%) lên 40.73 USD/thùng.
- Số giàn khoan dầu ở cả Mỹ và Canada tuần qua đều giảm xuống mức thấp mới, chỉ báo cho thấy tương lai nguồn cung dầu sẽ ít đi.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.7% lên 1,755.58 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 0.8% lên 1,766.4 USD/ounce.
- Giá vàng tăng 1% trong phiên vừa qua, đạt mức cao nhất trong vòng hơn 1 tháng do nhà đầu tư tập trung vào kim loại an toàn này sau khi số ca nhiễm virus corona trên toàn cầu tăng lên, làm giảm bớt hy vọng vào sự phục hồi kinh tế thế giới.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 2.2% xuống 754 CNY/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.3% xuống 3,620 CNY/tấn; thép cuộn cán nóng giảm 0.4% xuống 3,631 CNY/tấn.
- Số lò cao hoạt động của các nhà máy thép tuần qua giảm xuống. Tỷ lệ sử dụng công suất sản xuất của 247 nhà máy thép trên toàn Trung Quốc đã giảm xuống 91.54%, từ mức 92.35% của tuần trước. Lượng quặng lưu kho ở các cảng biển cũng tăng lần đầu tiên trong vòng 10 tuần, đạt 108.35 triệu tấn trong tuần vừa qua.

Giá cao su

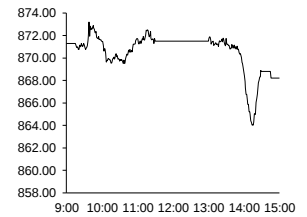
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.5 JPY xuống 157.7 JPY (1.48 USD)/kg. Đồng thời, giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 30 CNY xuống 10,350 CNY (1,463 USD)/tấn. Giá cao su trên sàn Tokyo phiên đầu tuần giảm do số ca nhiễm Covid-19 trên toàn cầu tăng lên, gây lo ngại sự hồi phục kinh tế toàn cầu có thể sẽ mất đà.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE giảm 0.13 US cent (1.1%) xuống 11.92 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London giảm 3.8 USD (1%) xuống 364.5 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 2.1 US cent (2.2%) lên 98 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 tăng 13 USD (1.1%) lên 1,188 USD/tấn. Nông dân ở Brazil hiện không vội bán cà phê ra sau khi đã bán một khối lượng lớn hồi cuối năm ngoái và giai đoạn tháng 3-4 năm nay, khi được giá.

Hình 1

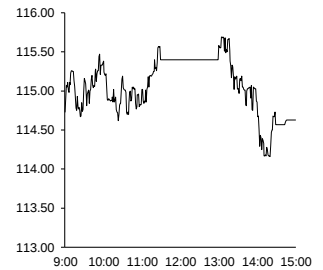
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

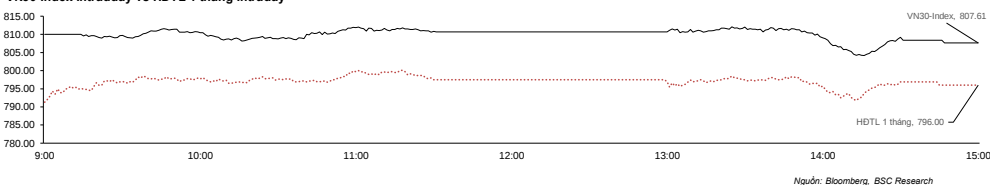
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bất động sản	-1.57%
Tài nguyên Cơ bản	-0.82%
Y tế	-0.60%
Bán lẻ	-0.58%
Ngân hàng	-0.27%
Bảo hiểm	-0.08%
Truyền thông	-0.07%
Thực phẩm và đồ uống	-0.06%
Viễn thông	0.00%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.35%
Du lịch và Giải trí	0.45%
Xây dựng và Vật liệu	0.50%
Hóa chất	0.58%
Dầu khí	0.64%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.67%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.79%
Công nghệ Thông tin	1.13%
Ô tô và phụ tùng	2.00%
Dịch vụ tài chính	3.81%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	796.00	-0.24%	-11.61	12.3%	175.272	7/16/2020	25
VN30F2008	785.80	-0.33%	-21.81	-8.4%	513	8/20/2020	60
VN30F2009	780.70	-0.45%	-26.91	-38.7%	141	9/17/2020	88
VN30F2012	780.30	-0.10%	-27.31	8.9%	110	12/17/2020	179

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -2.36 điểm xuống mức 807.61 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, HPG, STB, NVL, và VHM tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên hôm nay giằng co quanh 810 điểm, trước khi biến động mạnh vào cuối phiên chiều, chốt phiên dưới mốc tham chiếu. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh vùng giá 795-815 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 775 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT2005	VND	7/1/2020	8	1:1	31.950	64.3%	1.0 triệu	32.26%	2.900	6.760	12.48%	384	17.60
CFPT2004	SSI	8/10/2020	48	1:1	30.430	-22.3%	2.0 triệu	32.26%	5.100	7.490	7.61%	1,357	5.52
CFPT2003	SSI	11/9/2020	139	1:1	30.940	4.7%	2.0 triệu	32.26%	7.300	10.290	5.97%	3,105	3.31
CVNM2004	SSI	11/30/2020	160	1:1	25.000	5.7%	2.0 triệu	31.31%	17.500	15.970	2.31%	9,776	1.63
CHPG2002	KIS	12/16/2020	176	2:1	124.590	-36.5%	3.0 triệu	36.49%	1.700	1.700	1.80%	914	1.86
CMWG2007	SSI	11/30/2020	160	1:1	30.500	12.8%	2.0 triệu	39.63%	12.900	11.920	1.79%	8,945	1.33
CPNJ2002	VND	10/1/2020	100	2:1	81.640	1409.1%	1.0 triệu	36.40%	2.400	2.290	1.78%	892	2.57
CVNM2003	MBS	9/4/2020	73	10:1	159.930	-14.9%	3.0 triệu	31.31%	1.450	2.560	1.19%	2,325	1.10
CHPG2005	VND	10/1/2020	100	1:1	61.010	-59.1%	2.0 triệu	36.49%	2.100	7.530	0.94%	8,292	0.91
CMSN2004	MBS	9/4/2020	73	5:1	185.340	-2.6%	1.5 triệu	34.14%	1.980	1.550	0.65%	1,149	1.35
CVHM2002	SSI	11/30/2020	160	1:1	26.920	26.5%	1.5 triệu	36.73%	11.500	11.530	-0.86%	8,608	1.34
CTCB2004	MBS	8/18/2020	56	2:1	153.860	-20.8%	2.0 triệu	36.28%	1.050	2.100	-1.41%	1,933	1.09
CDPM2002	KIS	12/16/2020	176	1:1	127.210	11.8%	2.0 triệu	41.20%	1.700	2.920	-1.68%	1,922	1.52
CMBB2002	SSI	8/10/2020	48	1:1	317.740	-10.6%	3.0 triệu	34.36%	1.300	980	-2.00%	699	1.40
CHDB2003	KIS	12/16/2020	176	2:1	200.710	-20.9%	2.0 triệu	39.12%	2.700	1.430	-2.05%	632	2.26
CNVL2001	KIS	12/16/2020	176	4:1	110.110	152.5%	2.0 triệu	16.72%	2.300	1.620	-2.41%	193	8.39
CVRE2003	KIS	12/16/2020	176	2:1	556.310	368.6%	3.0 triệu	43.16%	3.000	1.090	-2.68%	365	2.98
CSTB2003	KIS	9/16/2020	85	1:1	627.680	139.0%	3.0 triệu	40.90%	1.360	1.740	-3.33%	1,195	1.46
CVPB2005	MBS	8/18/2020	56	2:1	205.250	46.7%	2.0 triệu	43.83%	1.510	1.950	-3.47%	1,863	1.05
CVHM2003	HSC	10/29/2020	128	10:1	179.910	30.7%	5.0 triệu	36.73%	1.000	1.460	-4.58%	1,173	1.25
Tổng:					3,234,080		44.00 triệu	35.58%**					

Chủ thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
 Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
 **Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
 Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
 *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 23/06/2020, chứng quyền cùng chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

• Về giá, CROS2002 và CFPT2005 tăng mạnh lần lượt là 13.86% và 12.48%. Trái lại, CVIC2001 giảm mạnh -10.27%. Giá trị giao dịch giảm -10.26%. CSTB2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.13% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, TCB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	47.55	1.17	0.45
VNM	116.00	0.52	0.44
SSI	16.10	5.92	0.43
VCB	86.00	0.58	0.27
CTD	72.50	6.93	0.21

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	94.2	-2.79	-1.70
HPG	27.0	-1.10	-0.65
STB	11.6	-1.28	-0.36
NVL	58.3	-1.19	-0.31
VHM	77.7	-0.77	-0.31

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2005	51,900	49,000	47,550
CFPT2004	55,100	50,000	47,550
CFPT2003	57,300	50,000	47,550
CVNM2004	135,500	118,000	116,000
CHPG2002	33,399	29,999	27,000
CMWG2007	99,900	87,000	85,300
CPNJ2002	73,800	69,000	59,800
CVNM2003	108,500	94,000	116,000
CHPG2005	21,100	19,000	27,000
CMSN2004	64,900	55,000	58,400
CVHM2002	88,500	77,000	77,700
CTCB2004	19,100	17,000	20,650
CDPM2002	16,952	15,252	15,300
CMBB2002	19,300	18,000	17,500
CHDB2003	37,523	32,123	26,500
CNVL2001	75,088	65,888	58,300
CVRE2003	43,999	37,999	27,200
CSTB2003	12,471	11,111	11,550
CVPB2005	22,520	19,500	22,750
CVHM2003	80,000	70,000	77,700

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.3	-0.7%	1.2	1,679	3.0	8,808	9.7	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.8	1.2%	1.3	585	1.8	5,248	11.4	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.6	-0.8%	1.3	1,569	1.1	1,307	37.2	1.9	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.3%	0.4	298	0.0	2,056	14.9	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	94.2	-2.8%	0.8	13,853	1.8	2,095	45.0	3.9	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.2	-1.4%	1.1	2,687	1.2	1,226	22.2	2.3	30.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	58.3	-1.2%	0.8	2,458	2.0	3,584	16.3	2.5	6.0%	16.3%
REE	Bất động sản	31.4	0.3%	0.8	423	0.4	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.7	0.4%	1.3	285	2.6	2,289	5.5	0.9	40.6%	15.9%
SSI	Chứng khoán	16.1	5.9%	1.3	421	9.7	1,415	11.4	0.9	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.9	4.1%	1.0	170	1.4	4,240	5.6	1.0	28.3%	18.0%
HCM	Chứng khoán	20.4	5.2%	1.8	271	4.6	1,480	13.8	1.4	52.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	47.6	1.2%	0.8	1,621	3.5	4,804	9.9	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	56.3	-2.3%	0.4	609	0.1	4,812	11.7	3.0	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.9	1.1%	1.5	6,150	1.1	5,820	12.7	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.3	0.5%	1.5	2,395	4.2	869	53.2	2.9	13.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.8	0.8%	1.6	266	2.0	1,238	10.3	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.3	-1.4%	0.8	984	1.0	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.4	-1.1%	0.5	520	0.0	5,046	18.1	3.4	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.3	-0.3%	0.5	260	3.8	1,006	15.2	0.7	11.1%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.6	1.7%	0.4	221	1.7	415	23.1	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	86.0	0.6%	1.2	13,868	3.4	4,848	17.7	3.8	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.7	-1.5%	1.4	7,117	2.0	2,140	19.0	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.3	-0.9%	1.2	3,764	2.9	2,510	9.3	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.8	0.2%	1.2	2,411	2.0	3,750	6.1	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.5	0.0%	1.1	1,835	2.8	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.0	-0.4%	1.0	1,735	3.4	3,780	6.3	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.7	-0.5%	0.9	195	0.4	5,303	10.3	1.7	80.9%	17.0%
NTP	Nhựa	40.1	0.5%	0.4	171	0.1	4,208	9.5	1.5	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	5.1%	0.4	714	0.1	356	46.6	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.0	-1.1%	1.1	3,241	13.5	2,764	9.8	1.5	35.9%	17.4%
HSG	Thép	11.9	-1.7%	1.5	230	6.4	1,493	8.0	0.9	13.0%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	116.0	0.5%	0.7	8,783	5.4	5,453	21.3	6.7	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	164.0	-1.2%	0.8	4,573	0.3	6,719	24.4	6.1	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	58.4	0.2%	1.0	2,968	3.7	3,961	14.7	1.6	39.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	1.4%	0.8	383	1.5	171	87.9	1.2	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	63.0	-0.6%	0.8	5,963	1.3	3,450	18.3	3.7	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	109.4	0.4%	1.1	2,492	1.3	7,110	15.4	3.8	18.3%	26.3%
HVN	Vận tải	27.1	0.4%	1.7	1,671	0.6	1,654	16.4	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	20.0	1.0%	0.9	258	0.4	1,583	12.6	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.0	-1.8%	1.1	134	0.4	2,117	5.2	0.7	25.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.7	-0.9%	0.9	423	0.5	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	-2.8%	0.8	378	0.5	1,453	13.3	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	0.7%	1.0	231	0.2	1,938	7.2	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	72.5	6.9%	1.1	240	7.1	8,032	9.0	0.6	46.3%	7.3%
VCG	Xây dựng	27.5	1.5%	0.4	528	0.3	1,498	18.4	1.8	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.1	0.5%	0.3	198	0.9	1,775	10.8	0.9	39.7%	8.5%
POW	Điện	10.5	0.0%	0.6	1,069	1.4	1,028	10.2	0.9	11.7%	9.4%
NT2	Điện	22.0	-1.8%	0.5	275	0.5	2,543	8.6	1.5	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	86.00	0.58	0.53	917230.00
GAS	73.90	1.09	0.44	349770.00
VNM	116.00	0.52	0.30	1.06MLN
SSI	16.10	5.92	0.16	14.03MLN
LGC	42.70	6.75	0.15	15110.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.61	432630.00	1.11MLN
BID	0.00	-0.69	1.11MLN	607060.00
VHM	0.00	-0.57	2.15MLN	373600.00
SAB	0.00	-0.37	38700.00	192700.00
VRE	0.00	-0.27	1.02MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CDC	21.40	7.00	0.01	23040.00
TVB	8.56	7.00	0.01	726320.00
BSI	8.88	6.99	0.02	250660.00
EVG	4.90	6.99	0.01	5.34MLN
TIX	29.15	6.97	0.02	200.00

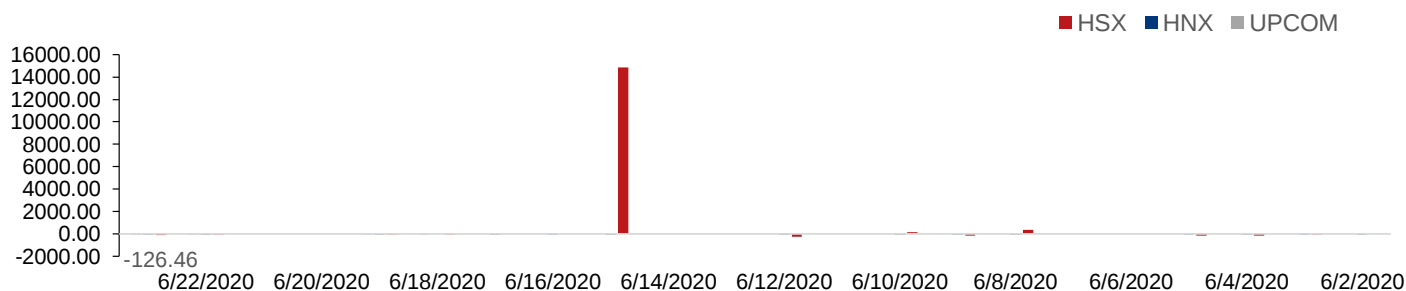
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAP	3.17	-8.91	-0.01	167720.00
TNI	5.32	-6.99	-0.01	12.23MLN
DBC	49.50	-6.95	-0.11	4.77MLN
SSC	55.30	-6.90	-0.02	290.00
TEG	4.33	-6.88	0.00	54330.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



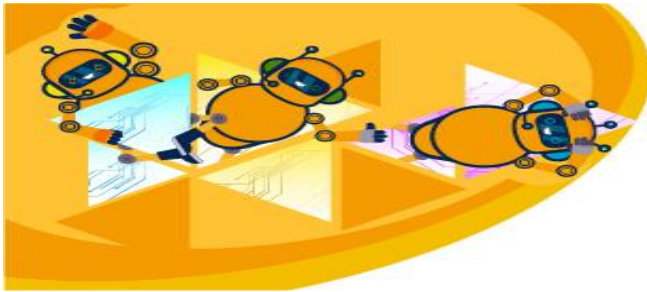
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	58.4	3,961	14.7	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	38.8	4,717	8.2	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.9	1,493	8.0	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	45.6	5,479	8.3	2.3	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	20.4	1,140	17.9	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.0	2,764	9.8	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.7	2,987	6.9	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.8	5,248	11.4	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.0	5,718	23.4	8.3	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.7	2,289	5.5	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.6	1,496	10.4	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	21.0	7,637	2.7	1.0	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.6	5,311	4.3	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	36.2	4,465	8.1	1.6	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	86.0	4,848	17.7	3.8	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.0	3,780	6.3	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	37.8	6,553	5.8	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	52.1	3,887	13.4	2.6	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	47.6	4,804	9.9	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	20.0	1,583	12.6	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (~19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn